

Bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển hiện nay

Phan Thị Mai Hương¹, Lê Thị Thu Thủy²

^{1,2} Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: huongphanmai@gmail.com

Nhận ngày 7 tháng 5 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 8 năm 2020.

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích phát hiện những chiều cạnh cơ bản của bản sắc con người môi trường ở cư dân Tây Nam Bộ hiện nay. Mẫu nghiên cứu được chọn theo hệ thống các tiêu chí phản ánh những đặc trưng cơ bản về dân cư của khu vực này, gồm 864 người là đại diện các hộ gia đình tại 8 tỉnh ở Tây Nam Bộ. Cơ sở dữ liệu thu được từ bảng hỏi đã chỉ ra 6 chiều cạnh của bản sắc con người môi trường là: giá trị môi trường, quan tâm đến môi trường, đạo đức môi trường, tính tuân thủ quy định môi trường, tính hài hòa với tự nhiên, tính thực tế trong tiêu dùng. Các chỉ số thống kê mô tả các chiều cạnh đã chỉ ra những bằng chứng xác định các bản sắc này, đồng thời phác thảo chân dung bản sắc môi trường của người Tây Nam Bộ. Kết quả còn cho thấy đây là các chiều cạnh tương đối độc lập với nhau.

Từ khóa: Bản sắc con người môi trường, cư dân Tây Nam Bộ, bối cảnh phát triển.

Phân loại ngành: Tâm lý học

Abstract: This study is carried out with the aim of discovering the fundamental dimensions of environmental identity in Vietnam's southwestern population today. The samples were selected according to a system of criteria that reflect the fundamental characteristics of the population, including 864 persons representing households in eight provinces locally. The database obtained from the questionnaire shows six dimensions of the identity, namely value of the environment, attention paid to it, environmental ethics, compliance with environmental regulations, harmony with nature, and practicality in consumption. The statistical indicators depicting the dimensions point to evidence defining the dimensions and at the same time outlines the portrait of the environmental identity of the locals. The results also show that the dimensions are relatively independent of one another.

Keywords: Environmental identity, Vietnam's southwestern population, development context.

Subject classification: Psychology

1. Mở đầu

Bản sắc con người môi trường là thuật ngữ đề cập đến mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên từ góc độ con người nhận dạng mình là ai trong mối quan hệ ấy (trong bài viết này, thuật ngữ bản sắc con người môi trường và bản sắc môi trường sẽ được dùng tương đương nhau). Theo Clayton, bản sắc môi trường là một phần trong cách con người hình thành khái niệm về bản thân và ý thức kết nối với môi trường tự nhiên bên ngoài con người, dựa trên lịch sử cá nhân, sự gắn kết về cảm xúc và sự tương đồng. Sự kết nối này đến lượt nó ảnh hưởng đến cách mà con người nhận thức và hành xử với tự nhiên. Có thể thấy, bản sắc môi trường là sự kết nối của con người với thiên nhiên, là cách mà con người nhận thức về thiên nhiên và hành động trước thiên nhiên, là niềm tin về tầm quan trọng của thiên nhiên. Như thế, bản sắc môi trường phản ánh vai trò và trách nhiệm xã hội của con người trước thiên nhiên qua hệ thống nhận thức và hành động của mình [5].

Bản sắc con người môi trường được quan tâm nghiên cứu gần đây như một cách tiếp cận mới để giải quyết vấn đề môi trường [6]. Trong nỗ lực giải thích bản sắc môi trường và mối liên quan của nó đến thái độ, hành vi bảo vệ môi trường, các tác giả đã đưa ra những cấu trúc không giống nhau về bản sắc môi trường.

Bản sắc con người môi trường, theo Clayton, bao gồm: tương tác với thiên nhiên (đề cập đến thời gian mỗi người ở ngoài trời, trải mình trong thiên nhiên); cảm xúc và trải nghiệm tích cực trong thiên nhiên (cảm nhận tích cực của con người khi tương tác với thiên nhiên); thành viên nhóm môi trường (đề cập đến sự tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường và đánh giá về ý

nghĩa của nó); ý thức hệ (quan điểm ủng hộ một lối sống vì môi trường bền vững); giá trị và lựa chọn ưu tiên (cách suy nghĩ, đánh giá của con người về lối sống với môi trường tự nhiên của họ); khái niệm cái tôi (thể hiện cảm giác kết nối với thế giới tự nhiên). Các thành phần trên có mặt trong thang đo lường Bản sắc môi trường (EID) của Clayton được sử dụng khá phổ biến hiện nay trong các nghiên cứu về chủ đề này.

Thích nghi thang đo Bản sắc môi trường trên đây của Clayton trên các nghiệm thể Tây Ban Nha, Olivos và Aragones (2011) cho thấy 4 khía cạnh của bản sắc môi trường gồm: cảm giác thuộc về thiên nhiên, tận hưởng thiên nhiên, biết ơn thiên nhiên và đạo đức môi trường.

Từ một góc độ khác, bản sắc môi trường theo T. Crompton, T. Kasser gồm 3 thành phần: giá trị và mục tiêu cuộc sống (khía cạnh phản ánh những gì con người cho là đáng để phấn đấu trong cuộc sống) [9]. Trong số các giá trị và mục tiêu đó có: phát triển bản thân, vật chất (sự giàu có, tài sản), thành tích và địa vị. Tác giả xem xét giá trị môi trường trong mối quan hệ với các giá trị sống đó; nhóm nội và nhóm ngoại (con người vốn là một phần của thiên nhiên, tức là phải có cảm giác thuộc về thiên nhiên. Nhưng việc phân loại nhóm nội (chỉ có con người) và nhóm ngoại (thế giới tự nhiên khác con người) là cách có thể ảnh hưởng đến hành vi đối lập của con người với thế giới tự nhiên); ứng phó với sự sợ hãi và đe dọa (nhận thức về các thảm họa môi trường mà con người phải đối mặt có thể khiến họ trải nghiệm cảm giác bị đe dọa, sợ hãi. Cách ứng phó của con người trong trường hợp này có liên quan đến hành vi ứng xử với thiên nhiên).

Trên bình diện khác, thang đo Kết nối với thiên nhiên (CNS) [7] đề cập đến cảm xúc của con người như một thành phần quan trọng của trải nghiệm kết nối với thiên nhiên. Thành phần hàm chứa trong đó những trải nghiệm cảm xúc cá nhân trong mối quan hệ với môi trường, cảm thấy mình thuộc về và là một phần của thiên nhiên.

Có thể thấy, từ những góc độ khác nhau, bản sắc môi trường mang những thành phần khác nhau. Các thành phần này đều được đo lường bằng những biểu hiện về tư duy (đánh giá, nhìn nhận, lựa chọn), cảm xúc (tình cảm, cảm giác thuộc về, biết ơn) hay hành vi sống (ứng phó, tận hưởng, hoạt động) trong sự kết nối với môi trường của con người. Ở đó, con người không chỉ tận hưởng thiên nhiên, sử dụng thiên nhiên, mà còn trải nghiệm, và ứng phó với những vấn đề môi trường đang diễn ra, nhiều khi rất khốc liệt. Như vậy, bản sắc con người môi trường phản ánh mối liên hệ của con người với tự nhiên trong một bối cảnh môi trường nhất định, có những vấn đề môi trường nhất định, mà mỗi dân tộc, mỗi quốc gia phải đối mặt.

Với vai trò là một trong bốn khu vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam, Tây Nam Bộ là vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; phát triển mạnh kinh tế biển, du lịch sinh thái [4]. Các hoạt động kinh tế đặt ra cho khu vực này đều có mối liên quan mật thiết với điều kiện tự nhiên, và điều cơ bản ở đây là hoạt động kinh tế của con người chủ yếu phụ thuộc tự nhiên (đất, nước, cảnh quan). Vì thế, mối quan hệ hài hòa của con người nơi đây với môi trường tự nhiên đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của khu vực này.

Khám phá mối quan hệ con người với tự nhiên ở Tây Nam Bộ, các nghiên cứu chỉ ra rằng người Tây Nam Bộ truyền thống là những người hòa hợp với tự nhiên [1], [2], [3]. Sự hòa hợp với tự nhiên không chỉ ở khai thác thiên nhiên phục vụ cuộc sống của mình theo kiểu thiên nhiên có gì dùng nấy, mà cả ở việc thích nghi với thiên nhiên, thuận theo tự nhiên mà sống: mùa nước nổi thì sống dựa vào tôm cá, mùa khô thì dựa vào trồng trọt.

Tuy nhiên, hiện nay, khu vực này đang hứng chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, những diễn biến thời tiết cực đoan, tình trạng hạn hán, xâm mặn, ô nhiễm nước, ô nhiễm đất... mà trong đó có sự góp phần không nhỏ từ hành vi môi trường của con người. Trong bối cảnh đó, khám phá bản sắc con người môi trường có ý nghĩa trong việc tìm hiểu bản chất hành vi của con người trong ứng xử với thiên nhiên để có những điều chỉnh kịp thời cả ở cấp độ vĩ mô, lẫn vi mô. Bài viết³ bàn về bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển hiện nay

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Để có thể khái quát kết quả cho vùng Tây Nam Bộ, chúng tôi chọn thiết kế điều tra chọn mẫu một lần theo lát cắt ngang để thu thập dữ liệu.

2.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 864 người tại 17 xã/ thị trấn/ phường thuộc 8 tỉnh Tây Nam Bộ,

gồm: An Giang, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh. Quá trình chọn địa bàn nghiên cứu được bắt đầu từ việc nghiên cứu tài liệu về các đặc điểm dân cư, kinh tế, văn hóa và xã hội ở khu vực này. Từ đó, khung mẫu đã được xây dựng trên cơ sở ba cấp độ tiêu chuẩn: cấp địa phương, cấp hộ gia đình và cấp cá nhân. Ở cấp địa phương, chúng tôi quan tâm đến mức độ phát triển kinh tế - xã hội và ngành nghề thế mạnh của địa phương. Địa bàn khảo sát trong một tỉnh phải có cả đơn vị phát triển hơn và kém phát triển hơn về kinh tế. Ngoài ra, trong đó phải tìm được những địa bàn có đồng bào dân tộc sinh sống, có các tôn giáo chính của miền Tây Nam Bộ, ở các tiểu vùng văn hóa khác nhau của miền Tây Nam Bộ. Ở cấp độ gia đình, chúng tôi quan tâm đến những hộ với nghề nghiệp khác nhau (trồng lúa, đánh bắt và chế biến thủy sản, trồng cây ăn quả và các cơ sở công nghiệp hay dịch vụ...) và mức sống khác nhau (mức sống hộ gia đình đảm bảo có từ nghèo đến khá giả). Ở cấp độ cá nhân, các đặc điểm nhân khẩu xã hội được quan tâm. Tại mỗi địa bàn khảo sát, mẫu được chọn còn đáp ứng các tiêu chí mang tính cá nhân như: (1) Đã kết hôn; (2) Đại diện hộ gia đình (chủ hộ hoặc vợ/chồng của chủ hộ); (3) Đang tham gia lao động kiếm thu nhập cho gia đình; (4) Cư trú và làm ăn ổn định tại địa phương; (5) Đủ khả năng để trả lời các câu trong bảng hỏi, đồng thời cố gắng để có đủ cơ cấu về giới tính và lứa tuổi.

Cơ cấu của mẫu nghiên cứu như sau. Về giới tính: nam chiếm 47%, nữ là 53%; Về dân tộc: Kinh chiếm 78,9%, Hoa là 3,1%, Khmer là 12,4% và Chăm là 5,6%; Về tôn

giáo: Phật giáo chiếm 35,8%, Hồi giáo là 6,1% và Không tôn giáo là 58,1%. Tuổi trung bình của người trả lời là 45,6 với độ lệch chuẩn 11 tuổi.

2.3. Thu thập dữ liệu

2.3.1. Công cụ

Bảng hỏi là công cụ chính để thu thập dữ liệu. Bảng hỏi liệt kê những biểu hiện của bản sắc con người môi trường qua nhận thức về giá trị và chuẩn mực môi trường, qua hành vi và lối sống hàng ngày trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên. Các biểu hiện này được tập hợp từ các nguồn sau: (1) Các đặc điểm của con người Tây Nam Bộ truyền thống được mô tả trong các tài liệu của những nhà nghiên cứu trước về người miền Tây Nam Bộ; (2) Những đặc điểm của con người (giá trị, lối sống, hành vi, hoạt động kinh tế, ứng phó với thiên nhiên) trong các tài liệu về con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hiện nay; (3) Những vấn đề môi trường mà người dân Tây Nam Bộ hiện nay đang phải đối mặt; (4) Những tiêu chuẩn liên quan đến phát triển bền vững về môi trường và tiêu chí liên quan đến môi trường trong xây dựng nông thôn mới; (5) Thang đo bản sắc môi trường của Clayton [5]. Đây là những nguồn tài liệu gợi ý để chúng tôi xây dựng được 52 mệnh đề (item) về vấn đề nghiên cứu ở 3 lĩnh vực: nhận thức về giá trị môi trường; chuẩn mực ứng xử với môi trường; hành vi lối sống của người dân.

Bảng hỏi sử dụng thang Likert 4 mức độ từ 1 (không đúng với tôi/ không bao giờ hoặc hầu như không bao giờ tôi là người như vậy) đến 4 (hoàn toàn đúng với tôi/ tôi thường xuyên là người như vậy).

Sau quá trình xem xét nội dung của từng item đối chiếu với cách hiểu về bản sắc con người môi trường cũng như kết quả của câu hỏi thử trên mẫu bản địa, số lượng item được rút xuống còn 41, được dùng trong khảo sát chính thức. Những item bị loại là những item khiến người dân khó hiểu, những item có nội dung không tập trung vào con người trong mối quan hệ với môi trường. Đồng thời một số item được diễn đạt lại rõ nghĩa và phù hợp với phương ngữ miền Tây Nam Bộ hơn.

Sau 3 lần phân tích nhân tố khám phá kế tiếp nhau, trong đó mỗi lần thực hiện sau sẽ loại bỏ các item có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,4 và vài item có ý trùng lặp với các item khác trong một nhân tố, số item còn lại là 21, phản ánh các khía cạnh khác nhau của bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ.

Trong quá trình trả lời bảng hỏi, một số phỏng vấn sâu được bổ sung để thu thập thêm những thông tin cần thiết cho nội dung nghiên cứu.

2.3.2. Cách thức thu thập dữ liệu

Bảng hỏi được các điều tra viên hỏi trực tiếp một cách độc lập. Các điều tra viên gồm các nhà nghiên cứu và các cộng tác viên là sinh viên các trường đại học của các tỉnh được điều tra. Nhờ sự hỗ trợ của các cộng tác viên trong công tác điều tra nên vấn đề bất đồng phương ngữ giữa miền Nam và miền Bắc được cải thiện đáng kể. Các cộng tác viên được tập huấn về nội dung bảng hỏi cũng như những kỹ năng phỏng vấn người dân trước khi làm việc chính thức. Trong quá trình cung cấp thông tin, người trả lời được quyền hỏi khi chưa rõ và được giải thích đầy đủ. Người trả lời tham gia nghiên cứu một cách tự nguyện và

được quyền chấm dứt sự tham gia bất cứ khi nào họ muốn.

2.4. Phân tích dữ liệu

Những phép thống kê sau đây được sử dụng trong nghiên cứu: thứ nhất, phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để phát hiện các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường; thứ hai, các tham số thống kê mô tả như điểm trung bình, trung vị, điểm đỉnh (mode), độ lệch chuẩn, độ nghiêng (skewness), độ nhọn (kurtosis) được tính toán để mô tả dữ liệu; thứ ba, hệ số tương quan Kendall tau-B được sử dụng để phân tích mối quan hệ giữa các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường.

Mức ý nghĩa $p = 0,05$ được sử dụng trong kiểm định các giả thuyết thống kê.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường

Phân tích nhân tố khám phá với phương pháp phân tích thành phần chính (principal component) và phép xoay Varimax đã được sử dụng để khám phá các chiều cạnh khác nhau của bản sắc con người môi trường ở cư dân Tây Nam Bộ. Kết quả cho thấy, có 6 nhân tố được trích xuất giải thích được 57,05% phương sai của bộ dữ liệu với hệ số tải nhân tố từ khoảng 4 trở lên và độ chiết xuất ra các nhân tố (extraction) dao động trong khoảng từ 39,9% đến 74,5% (trong số này có 1 item có hệ số tải nhân tố = 0,399 được chọn ngoại lệ trong nghiên cứu khám phá để đảm bảo số lượng item trong một nhân tố có ý nghĩa thực tế).

Bảng 1: Hệ số tải nhân tố và độ trích xuất vào các nhân tố của các item trong bảng hỏi về bản sắc con người môi trường

Các biểu hiện	Các nhân tố						Độ trích xuất
	<i>Đạo đức</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Quan tâm</i>	<i>Tuân thủ</i>	<i>Hài hòa</i>	<i>Thực tế</i>	
3.7 Đánh bắt hải sản bằng mìn, lưới mắt nhỏ...	.843	-.056	.025	-.044	-.029	.166	0,745
3.5 Săn bắn, ăn thịt thú rừng	.808	-.049	.066	-.053	-.052	.116	0,678
3.8 Đổ rác ra kênh rạch, chỗ nào tiện	.733	-.136	-.057	-.094	.020	.198	0,607
2.8 Sản xuất thực phẩm theo thị hiếu người tiêu dùng, miễn sao bán được	.589	-.492	.097	-.071	-.134	-.093	0,629
3.3 Đi vệ sinh tại kênh rạch, đồng ruộng, chỗ nào tiện	.561	.016	-.043	.277	.107	-.128	0,422
2.9 Sản xuất sản phẩm để dùng riêng cho gia đình, khác bán ra thị trường	.556	-.423	.198	.014	-.022	-.231	0,581
2.10 Dễ thông cảm cho những hành vi môi trường sai trái vì mưu sinh	.414	-.291	-.061	.099	.233	-.107	0,335
1.2 Vì lợi ích gia đình có thể chấp nhận hành vi môi trường sai trái	-.092	.746	.060	-.018	.017	-.134	0,588
1.4 Vì sinh kế của mọi người có thể chấp nhận hành vi phá hoại môi trường	-.163	.738	.100	-.015	-.059	-.076	0,590
1.5 Vì cuộc sống của gia đình mà chấp nhận thiệt hại môi trường	-.039	.676	.067	-.077	-.029	-.216	0,516
1. Nên sử dụng tối đa tài nguyên để phát triển kinh tế đất nước	-.071	.650	-.079	.041	.107	.087	0,455
2.13 Nói chuyện với người khác về vấn đề môi trường	.042	.040	.798	.132	.102	.044	0,669
2.12 Am hiểu các vấn đề về biến đổi khí hậu của khu vực ĐBSCL	-.011	-.038	.769	-.031	.069	.059	0,603
2.11 Xem các chương trình ti vi về các vấn đề môi trường	.027	.057	.750	.176	-.022	-.038	0,599
2.21 Đóng tiền vệ sinh môi trường hàng tháng	.052	-.021	.043	.811	-.081	-.057	0,672
2.16 Đổ rác tại nơi quy định của ấp	-.056	-.020	.200	.775	.042	.061	0,650
2.5 Thích sống cuộc sống giản tiện: mua sắm ít, chỉ mua đồ để sử dụng	-.054	-.006	-.039	.022	.827	.166	0,717

2.3 Cảm thấy dễ chịu, thoải mái khi trồng cây, làm vườn, trên sông nước	-.007	.111	.366	-.114	.576	-.112	0,504
2.7 Chấp nhận sống chung với lũ/ tìm cách làm ăn thích hợp mùa mưa lũ	.155	.008	.055	.023	.447	-.401	0,396
2.18 Thường sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần	.125	-.125	.023	.035	.066	.766	0,624
2.19 Khi đi chợ, không chọn mua rau quả, thực phẩm sạch vì đắt	.235	-.334	.239	-.124	-.069	.399	0,399
Giá trị riêng *	3,19	2,66	2,12	1,45	1,35	1,21	
% Phương sai trích *	15,19	12,65	10,07	6,92	6,45	5,77	

Ghi chú: * Các giá trị được hiển thị ở đây là giá trị sau phép xoay nhân tố

Nguồn: Tác giả khảo sát về bản sắc con người Tây Nam Bộ, 2018-2020

Những dữ liệu trên cho thấy, các item trong một nhân tố có nội dung đồng hướng, có độ hội tụ cao, phản ánh các mặt khác nhau, khá độc lập trong tổng hợp các item về bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ hiện nay. Xem xét các item hội tụ vào một nhân tố, có thể diễn giải nội dung của từng nhân tố (hay từng chiều cạnh) của bản sắc con người môi trường như sau:

Nhân tố 1, bao gồm 7 item, phản ánh nhận thức về chuẩn mực môi trường cũng như thực hành hành vi môi trường liên quan đến sự vi phạm chuẩn mực. Đó những hành vi sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt hàng ngày có thể hủy hoại môi trường. Chúng tôi đặt tên là *Đạo đức môi trường*. Một điểm đáng lưu ý là ở đây, nội dung các item có ý nghĩa nghịch đảo so với tên gọi của nhân tố. Trong nghiên cứu này, các hành vi được hỏi đều mang hàm ý phạm chuẩn.

Nhân tố 2, gồm 4 item, đề cập đến nhận thức về giá trị môi trường. Đó là những nhận định về sự lựa chọn giữa bảo vệ môi trường và các lợi ích kinh tế. Tên của nhân tố này là *Giá trị môi trường*.

Nhân tố 3, bao gồm 3 item, có nội dung phản ánh mối quan tâm đến vấn đề thời sự

về môi trường ở khu vực cũng như trong nước của người dân. Mối quan tâm này cho thấy người dân không bàng quan với tình hình môi trường trên phạm vi rộng hơn so với cuộc sống của họ. Họ không đứng ngoài vấn đề môi trường của cộng đồng, của đất nước và có am hiểu về vấn đề này. Không những thế, vấn đề môi trường còn là chủ đề bàn luận của họ với những người xung quanh. Vì thế, chúng tôi đặt tên nhân tố này là *Quan tâm đến môi trường*.

Nhân tố 4, gồm 2 item đề cập đến những hành vi chấp hành nội quy bảo vệ môi trường sống cũng như đóng góp vì môi trường. Tên của nhân tố này là *Tính tuân thủ quy định môi trường*.

Nhân tố 5, gồm 3 item, có nội dung đề cập đến các hành vi hay lối sống gần gũi thiên nhiên, không bị cuốn vào lối sống tiêu dùng mà là giản đơn và tìm cách làm ăn phù hợp với điều kiện tự nhiên. Nhân tố này có tên là *Tính hài hòa với thiên nhiên*.

Nhân tố 6, gồm 2 item, phản ánh các hành vi sống tiện lợi, thực dụng của con người trước thiên nhiên, sử dụng đồ dùng tiện cho mình, cho túi tiền của mình nhưng có thể không có lợi cho môi trường tự nhiên. Vì thế chúng tôi đặt tên cho nhân tố này là *Tính thực tế trong tiêu dùng*.

Như vậy, dữ liệu đã chỉ ra 6 chiều cạnh bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ. Sáu chiều cạnh này được thể hiện qua nhận thức về giá trị, chuẩn mực ứng xử với môi trường và hành vi, lối sống hàng ngày của người dân. Thông qua 6 chiều cạnh đó, có thể hiểu người dân khu vực này có mối quan hệ như thế nào với môi trường tự nhiên xung quanh. Có thể thấy, bản sắc con người môi trường là đa dạng, đa chiều cạnh. Không những thế, trong một chiều cạnh cũng có đa dạng các

biểu hiện. Vì thế, khi bàn đến bản sắc con người nói chung, bản sắc con người môi trường nói riêng thì phải xem xét tính đa chiều cạnh của nó.

3.2. Phân bố điểm các chiều cạnh bản sắc con người môi trường

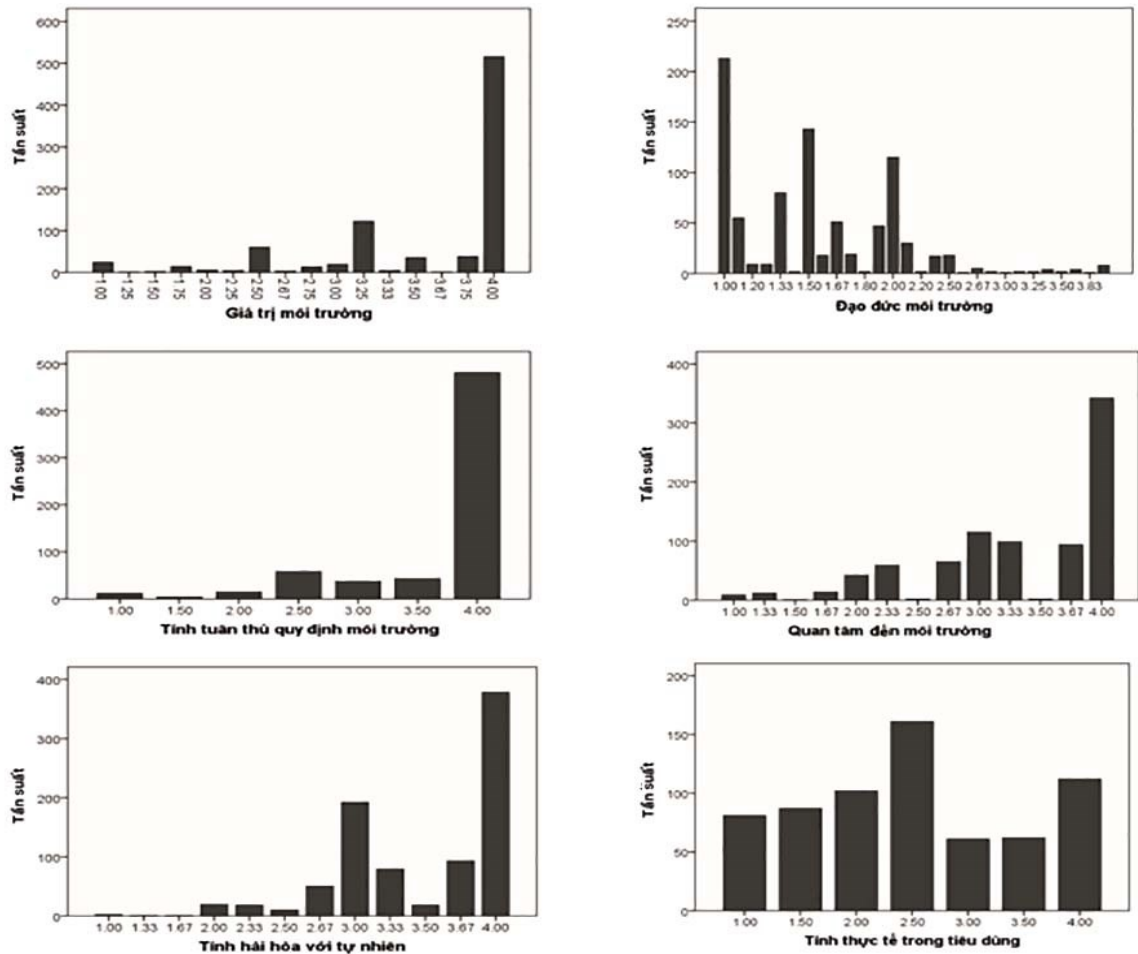
Phân bố điểm của các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường được thể hiện qua bảng 2 và biểu đồ 1 dưới đây.

Bảng 2: Những tham số thống kê mô tả các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường

	Giá trị môi trường	Đạo đức môi trường	Quan tâm đến môi trường	Tính tuân thủ quy định môi trường	Tính hài hòa với tự nhiên	Tính thực tế trong tiêu dùng
Số lượng (Số khuyết)	861 (3)	862 (2)	856 (8)	650 (214)	861 (3)	666 (198)
Trung bình	3,56	1,57	3,32	3,66	3,48	2,50
Trung vị	4,00	1,50	3,67	4,00	3,67	2,50
Độ lệch chuẩn	0,71	0,55	0,75	0,68	0,57	0,97
Điểm đỉnh (Mode)	4,00	1,00	4,00	4,00	4,00	2,50
Độ nghiêng (Skewness)	-1,91	1,58	-0,97	-2,09	-0,89	0,12
Độ nhọn (Kurtosis)	3,4	3,97	0,15	3,87	0,32	-1,06
Điểm nhỏ nhất	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
Điểm lớn nhất	4,00	4,00	4,00	4,00	4,00	4,00

Ghi chú: Giá trị khuyết thiếu xuất hiện nhiều ở Tính tuân thủ quy định môi trường và Tính thực tế trong tiêu dùng là do phần hỏi về nội dung này không có mặt trong đợt khảo sát thứ nhất tại Cà Mau và Kiên Giang; điểm thấp nhất của thang là 1 và cao nhất là 4. Điểm càng thấp càng thể hiện mức thấp và điểm càng cao càng thể hiện mức cao về các mặt bản sắc con người môi trường được xem xét. Riêng Đạo đức môi trường có chiều hướng điểm ngược lại: điểm càng thấp càng thể hiện tính có đạo đức về môi trường, điểm càng cao càng hay có hành vi vi phạm hoặc có nhận thức tích cực về hành vi vi phạm môi trường.

Nguồn: Tác giả khảo sát về bản sắc con người Tây Nam Bộ, 2018-2020



Biểu đồ 1: Phân bố điểm các chiều cạnh của Bản sắc con người môi trường

Nguồn: Tác giả khảo sát về bản sắc con người Tây Nam Bộ, 2018-2020

- Chiều hướng điểm: trừ Tính thực tế, 5 mặt của bản sắc môi trường có điểm nghiêng mạnh về một phía (hoặc điểm cao, hoặc điểm thấp). Trong đó, có 4 mặt nghiêng hẳn về phía điểm cao là Giá trị môi trường ($Sk = -1,91$), Quan tâm đến môi trường ($Sk = -0,97$), Tính tuân thủ ($Sk = -2,09$), Tính hài hòa với thiên nhiên ($Sk = -0,89$) và một mặt nghiêng mạnh về phía điểm thấp là Tính đạo đức ($Sk = 1,58$). Phân bố của Tính thực tế dàn sang cả hai phía của trục điểm với hệ số độ nghiêng rất thấp, gần với điểm 0 ($Sk = 0,12$), cho thấy

đây là đặc điểm khá cân xứng về phân bố điểm giữa số người có điểm thấp và có điểm cao và có độ phân tán cao.

- Mức độ tập trung điểm số: điểm đỉnh phản ánh giá trị có tỷ lệ tập trung cao nhất số người lựa chọn trong một phân bố. Dữ liệu cho thấy giá trị điểm có mức độ tập trung nhiều nhất, tức là nhiều người chọn giá trị đó nhất là giá trị 4 (Quan tâm đến môi trường: 40%; Tính tuân thủ quy định về môi trường: 74%, Tính hài hòa với thiên nhiên: 43,9%) và giá trị 1 (Tính đạo đức môi trường: 24,7%). Đây là hai điểm

cực đại và cực tiểu của thang điểm. Mức điểm 4 là khẳng định họ đúng là người như vậy, thường xuyên là người như vậy. Còn mức điểm 1 là khẳng định họ không đúng là người như vậy, không bao giờ hoặc hầu như không bao giờ là người như vậy.

Trong số các mặt này thì độ nhọn phân bố điểm của Tính đạo đức $Kur^4 = 3,97$, là hệ số > 0 và cao, thể hiện phân bố này có giá trị ngoại lai, lệch nhiều nhất so với phân bố chuẩn, cụ thể trong trường hợp này, đa số tập trung ở điểm thấp nhất thang là điểm 1 và gần 1. Trong khi đó, độ nhọn của Tính thực tế trong tiêu dùng bằng $(-1,06)$, cũng có giá trị hơi cao nhưng có hệ số < 0 , thể hiện phân bố này có các giá trị đều như nhau (phân bố dẹt so với chuẩn). So với các chiều cạnh khác thì đây là chiều cạnh có độ lệch chuẩn (thể hiện độ phân tán của dữ liệu) cao nhất. Có thể thấy rõ điểm đỉnh tập trung ở một đầu của phân bố hoặc cao nhất hoặc thấp nhất trên biểu đồ của các chiều cạnh bản sắc môi trường đã đề cập.

- Phổ điểm: ở tất cả các mặt của bản sắc con người môi trường đều xuất hiện giá trị cao nhất (4 điểm) và thấp nhất (1 điểm) của thang đo trong phân bố điểm. Điều này cho

thấy trong mẫu nghiên cứu đều có những người có nhận thức ưu tiên về giá trị môi trường và những người ưu tiên cho hoạt động kinh tế, có mối quan tâm chính trị về vấn đề môi trường rất cao và rất thấp; rất có đạo đức và không có đạo đức về môi trường; rất tuân thủ và không tuân thủ các quy định của môi trường, có lối sống rất hài hòa và không hài hòa với thiên nhiên; có tính thực tế trong tiêu dùng rất cao và rất thấp. Dữ liệu này phản ánh chân thực hiện trạng cuộc sống xã hội hiện nay. Các hành vi môi trường luôn đa dạng, phong phú ở nhiều loại người khác nhau.

- Mức độ chênh lệch điểm số trong phân bố: hình phân bố của các biểu đồ cho thấy rõ sự lệch phải ở bốn mặt, lệch trái ở một mặt và dàn đều ở một mặt của bản sắc môi trường như ở trên đã đề cập. Các hình phân bố cũng cho thấy dữ liệu ở đuôi phía bên kia có tỷ lệ rất thấp, tức là rất ít người lựa chọn. Nhìn chung, trong các phân bố này, độ chênh lệch rõ rệt là ở tỷ lệ người ở mức điểm cao nhất (4 điểm) và mức điểm thấp nhất (1 điểm) của thang đo. Xem xét mức độ chênh lệch này của phân bố, có hai chỉ số được tính toán.

Bảng 3: Các chỉ số phản ánh mức độ chênh lệch điểm cực trị trong phân bố

Các mặt của bản sắc con người môi trường	Tỷ lệ cực trị cao nhất (1)	Tỷ lệ cực trị thấp nhất (2)	Tỷ số giữa (1) & (2)	Tỷ lệ $> 2,5$ điểm (3)	Tỷ lệ $< 2,5$ điểm (4)	Tỷ số giữa (3) & (4)
Tính hài hòa với tự nhiên	43,9	0,2	219,5	95,2	4,8	19,8
Tính tuân thủ quy định môi trường	74	1,8	41,1	95,2	4,8	19,8
Quan tâm đến môi trường	40	1,1	36,4	84	16	5,3
Giá trị môi trường	59,9	2,8	21,4	87,2	12,8	6,8
Đạo đức môi trường	24,7	0,9	27,4	94,2	5,8	16,2
Tính thực tế trong tiêu dùng	16,8	12,2	1,4	59,5	40,5	1,5

Nguồn: Tác giả khảo sát về bản sắc con người Tây Nam Bộ, 2018-2020

Chỉ số thứ nhất là tỷ số giữa hai tỷ lệ của các điểm cực trị (4 và 1) trong từng phân bố, trong đó tỷ lệ cao chia cho tỷ lệ thấp. Cụ thể là tỷ lệ những người chọn mức 4 điểm so với tỷ lệ những người chọn mức 1 điểm ở 4 mặt: Tính hài hòa, Tính tuân thủ, Giá trị môi trường và Quan tâm đến môi trường. Trong trường hợp khác, tỷ lệ những người chọn mức 1 điểm so với tỷ lệ những người chọn mức 4 điểm ở Tính đạo đức, vì đây là trường hợp mà tỷ lệ chọn mức cực trị 1 điểm lớn hơn tỷ lệ chọn mức cực trị 4 điểm. Chỉ số này chỉ xem xét điểm cực trị, tức là điểm của những người khẳng định chắc chắn mình là người thường xuyên như thế, họ đúng là như thế, cho rằng như thế là đúng, họ lựa chọn như thế. Chỉ số thứ hai là tỷ lệ giữa hai nhóm người theo điểm trung bình của từng mặt: những người có điểm trung bình từ 2,5 trở lên (là điểm giữa của thang đo từ 1 đến 4 đang sử dụng trong nghiên cứu này) và những người có điểm thấp hơn ngưỡng này, trong đó tỷ lệ cao hơn chia cho tỷ lệ thấp hơn. Chỉ số này xem xét toàn bộ phổ điểm của các mặt.

Hai chỉ số có phổ điểm khác nhau. Trong khi chỉ số thứ nhất phản ánh mức độ thường xuyên, khẳng định đúng (điểm cực đại) thể hiện bản sắc so với mức độ không bao giờ (điểm cực tiểu) thể hiện bản sắc được xem xét hoặc ngược lại. Bởi chỉ số này xem xét bản sắc ở mức độ chắc chắn, thường xuyên diễn ra, nên có thể coi đó là chỉ số xác định tính chính xác, giúp bổ sung để xác định tính ổn định của bản sắc được đo lường, thì chỉ số thứ hai xác định tính tương đối chính xác mà thôi bởi bao gồm cả người có xu hướng gần với bản sắc đó. Ở trường hợp thứ hai có tỷ lệ pha trộn nhất định về bản sắc (dù rằng không lớn).

Đối chiếu hai chỉ số này có thể thấy chỉ số thứ nhất cao hơn nhiều so với chỉ số thứ hai ở 4 mặt: Tính hài hòa với tự nhiên; Tính tuân thủ quy định môi trường; Giá trị môi trường; Quan tâm đến môi trường. Đặc biệt, ở Tính hài hòa với tự nhiên cả hai chỉ số đều cao hơn nhất và ở chỉ số tuyệt đối là rất cao, hơn 5 lần so với chỉ số kế tiếp trong bảng là Tính tuân thủ. Trong khi đó, ở hai mặt kia, các chỉ số hoặc chênh ít (Tính đạo đức) hoặc tương đương nhau (Tính thực tế).

Dữ liệu này nói lên rằng 4 bản sắc có chỉ số ổn định cao (Tính hài hòa, Tính tuân thủ, Giá trị môi trường, Quan tâm chính trị về môi trường) không chỉ phổ biến, thống nhất ở nhiều người mà còn tồn tại một cách ổn định bởi đó là những đặc điểm mang tính thường xuyên được thực hành trong cuộc sống hàng ngày của người dân. Tính đạo đức môi trường tuy phổ biến nhưng chỉ ở mức tương đối, bởi vẫn có sự pha trộn nhất định những người không thực hành các hành vi đạo đức môi trường. Trong khi đó, Tính thực tế trong tiêu dùng có độ biến thiên lớn nhất, sự phân biệt không rõ rệt giữa những người thực tế, thực dụng trong tiêu dùng so với những người tiêu dùng có chọn lựa yếu tố môi trường.

Tóm lại, các chỉ số thống kê về 6 chiều cạnh bản sắc con người môi trường đã cho thấy hai kiểu phân bố điểm: kiểu thứ nhất nghiêng mạnh và có điểm tập trung ở một trong 2 cực trị của thang điểm; kiểu thứ hai là điểm dàn trên toàn thang. Kiểu thứ nhất thể hiện rõ bản sắc con người trong mối quan hệ với môi trường qua tính phổ biến và ổn định của kiểu nhận thức và hành vi con người, cho thấy rõ những đặc trưng dễ nhận dạng của con người ở khu vực này trong mối quan hệ với môi trường. Trong khi đó, kiểu thứ hai cho thấy sự phân tán

hơn, khó nhận biết và khó xác định đặc trưng chung của con người toàn khu vực về khía cạnh này. Bên cạnh đó, phổ điểm bao quát toàn bộ thang điểm của cả 6 chiều cạnh đo lường cho thấy tính phong phú các dạng hành vi ứng xử, lối suy nghĩ khác trong mối quan hệ với môi trường của người dân Tây Nam Bộ.

3.3. *Phác thảo bản sắc con người môi trường của cư dân Tây Nam Bộ*

Dựa trên điểm trung bình của 6 chiều cạnh bản sắc con người môi trường và bổ sung kết quả phỏng vấn sâu, có thể mô tả tóm lược như sau:

- Tính tuân thủ ($M = 3,66$): với điểm trung bình là 3,66 có thể thấy người dân Tây Nam Bộ thể hiện tính tuân thủ với các quyết định về môi trường của địa phương ở mức cao, có đến 74% số người trả lời cho rằng họ luôn luôn tuân thủ quy định về đồ rác và đóng phí môi trường. Số người thường xuyên và khá thường xuyên tuân thủ các quy định này gấp gần 20 lần so với những người không tuân thủ. Tuy vậy, những hành vi không tuân thủ như vứt rác hay đi vệ sinh trên kênh rạch vẫn diễn ra nhưng không phổ biến.

- Giá trị môi trường ($M = 3,56$): về mặt nhận thức, nhìn chung, đa số người dân khu vực Tây Nam Bộ không chấp nhận hy sinh môi trường để đổi lấy lợi ích kinh tế. Họ nhận thấy bảo vệ môi trường quan trọng hơn là phát triển kinh tế bằng mọi giá, dù đó là lợi ích của gia đình, của cộng đồng hay của quốc gia. Tuy nhiên, những giá trị này chưa hoàn toàn đủ mạnh để định hướng hành vi của một bộ phận cư dân. Các phỏng vấn sâu cho thấy nhiều hộ sản xuất vẫn

sử dụng thuốc trừ sâu quá liều để có sản phẩm bán được giá, cải tạo đất bằng hóa chất để rút ngắn thời gian làm sạch đất nhằm tăng vụ nhanh và đỡ tốn kém, thực hiện các hoạt động canh tác không hợp lý làm suy thoái đất.

- Hải hòa với môi trường tự nhiên ($M = 3,48$): phần lớn người dân Tây Nam Bộ sống và lao động trong sự hài hòa với tự nhiên. Họ gắn bó với thiên nhiên, thích cuộc sống đơn giản, không cầu kỳ, mua sắm ít đồ đạc chỉ đủ dùng và tìm cách thích ứng với những biến đổi khắc nghiệt của thiên nhiên. Bên cạnh đó, vẫn có thể quan sát thấy lối sống có xu hướng chú trọng vào lợi ích của con người đang dần phát triển như dùng nhiều tiện nghi hơn hoặc có những hoạt động cải tạo tự nhiên để phục vụ con người làm phá vỡ cân bằng sinh thái (tận diệt nguồn lợi thủy hải sản tự nhiên, đắp đê ngăn mặn để tiện canh tác 3 vụ). Các hoạt động canh tác nông - lâm - ngư nghiệp đã tác động tiêu cực đến môi trường nước và đất ở đồng bằng sông Cửu Long do quá trình lan truyền phèn từ các hoạt động này.

- Quan tâm đến môi trường ($M = 3,32$): người dân Tây Nam Bộ ngày nay quan tâm đến vấn đề môi trường của địa phương cũng như của đất nước, thường bàn luận và am hiểu về tình hình môi trường hiện nay. Nhưng vẫn có những người bàng quan với vấn đề môi trường, sự hiểu biết về môi trường còn hạn chế, chưa nhận thức rõ về hậu quả của biến đổi khí hậu ở Tây Nam Bộ nếu không liên quan gì đến họ.

- Đạo đức môi trường ($M = 1,57$): người dân miền Tây Nam Bộ, nhìn chung, nhận thức được các hành vi vi phạm chuẩn mực môi trường là không hợp lý, đồng thời họ cũng thực hành các hành vi tốt như

quan tâm đến tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất, có ý kiến về hành vi môi trường sai trái. Tuy vậy, những hành vi môi trường sai trái vẫn xảy ra: thải nước bẩn ra kênh rạch, làm ô nhiễm nguồn nước, gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

- Tính thực tế trong tiêu dùng ($M = 2,50$): trong cuộc sống, nhìn chung, người dân tiêu dùng có sự lựa chọn ở mức độ vừa phải các sản phẩm liên quan đến bảo vệ môi trường. Họ tiêu dùng phù hợp bản thân hơn là thiên về tiêu dùng có lợi cho môi trường.

3.4. Tương quan giữa các chiều cạnh của bản sắc con người môi trường

Xem xét tương quan giữa các chiều cạnh của bản sắc môi trường sẽ cho thấy, liệu có mối quan hệ nào giữa các chiều cạnh này hay đó là những mặt tồn tại độc lập với nhau. Do phân bố điểm của các mặt này ở trên không phải phân bố chuẩn mà nghiêng mạnh nên chúng tôi tính toán tương quan phi tuyến giữa các biến số với hệ số tau-B của Kendall.

Bảng 4: Tương quan giữa các mặt của bản sắc con người môi trường (Kendall's tau-B)

	Quan tâm	Tuân thủ	Hài hòa	Thực tế	Giá trị
Tuân thủ quy định	0,14**	1			
Hài hòa với tự nhiên	0,21**	0,01	1		
Thực tế trong tiêu dùng	0,05	-0,04	-0,06	1	
Giá trị môi trường	0,09**	0,03	0,08**	-0,19**	1
Đạo đức môi trường	-0,01	0,07*	0,06*	0,11**	-0,15**

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$

Nguồn: Tác giả khảo sát về bản sắc con người Tây Nam Bộ, 2018-2020

Kết quả ở bảng 4 cho thấy có một số mối tương quan có ý nghĩa thống kê, cụ thể là:

- Tương quan thuận giữa Tính hài hòa với tự nhiên với Quan tâm đến môi trường ($T_b = 0,21$, $p < 0,01$), với Tính đạo đức môi trường ($T_b = 0,06$, $p < 0,05$) và với Giá trị môi trường ($T_b = 0,08$, $p < 0,01$).

- Tính tuân thủ với quy định môi trường có tương quan thuận với Quan tâm đến môi trường ($T_b = 0,14$, $p < 0,01$), với Đạo đức môi trường ($T_b = 0,06$, $p < 0,05$).

- Tính thực tế trong tiêu dùng có tương quan thuận với Đạo đức môi trường ($T_b = 0,11$, $p < 0,01$), tương quan nghịch với Giá trị môi trường ($T_b = -0,19$, $p < 0,01$).

- Tương quan nghịch giữa Đạo đức môi trường với Giá trị môi trường ($T_b = -0,15$, $p < 0,05$).

Tuy vậy, các hệ số tương quan dù có ý nghĩa thống kê nhưng đều $< 0,3$, điều này cho thấy, đó là tương quan yếu (cao nhất chỉ = 0,21), thậm chí rất yếu (thấp nhất chỉ = 0,06), hay nói cách khác, giữa các mặt của bản sắc môi trường không có mối quan hệ nào đáng kể. Dữ liệu này nói lên rằng, các mặt của bản sắc môi trường là tương đối độc lập với nhau.

4. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện để phát hiện bản sắc con người Tây Nam Bộ từ góc độ mối quan hệ của họ với môi trường

tự nhiên. Đây là vấn đề còn ít được tìm hiểu trong các nghiên cứu hiện nay nên kết quả của nghiên cứu này có ý nghĩa bổ sung khía cạnh mới trong cách nhìn về bản sắc con người. Sáu chiều cạnh bản sắc môi trường của người Tây Nam Bộ phản ánh đặc trưng của mối quan hệ con người - tự nhiên trong bối cảnh phát triển hiện nay ở khu vực này. Trên thực tế, Tây Nam Bộ đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng nặng nề đến sinh hoạt cũng như hoạt động kinh tế của người dân. Hệ quả này khởi nguồn từ chính hành vi của con người trong hoạt động sống và lao động. Vấn đề xây dựng nông thôn mới, phát triển môi trường bền vững được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết cho khu vực này. Hành vi của con người bị tác động bởi những quy chuẩn xã hội, dưới dạng các quy tắc, do đó, những yêu cầu của tiến trình xây dựng nông thôn mới ở miền Tây Nam Bộ, của phát triển bền vững bắt buộc mọi người dân phải vào cuộc. Những yêu cầu này là chất xúc tác để người dân đến gần hơn, hài hòa hơn với thiên nhiên, trong quá trình tận dụng thiên nhiên bởi những quy định về môi trường đưa ra như những chuẩn mực ứng xử đòi hỏi phải tuân thủ, trở thành tiêu chuẩn đạo đức môi trường. Truyền thông về môi trường được đẩy mạnh lôi cuốn sự chú ý của người dân, nhất là những thông tin môi trường gắn với sản xuất, làm ăn. Công việc ngày nay khó khăn hơn trước khiến họ phải xem xét lại để có một lối sống tiêu dùng thực tế hơn. Thời tiết cực đoan, khi lũ lụt, khi hạn hán khiến con người luôn phải tìm cách thích nghi để sống chung với nó.

Những chiều cạnh bản sắc môi trường đã phản ánh bối cảnh sống như vậy. Có thể thấy, bản sắc con người môi trường thể hiện tính chính trị, tính xã hội và tính cá nhân trong đó.

Các chiều cạnh của bản sắc môi trường trong nghiên cứu này cũng có sự tương đồng nhất định với kết quả của những tác giả khác: chiều cạnh hài hòa với tự nhiên rất gần gũi với thành phần tương tác với thiên nhiên, cảm xúc và trải nghiệm tích cực với thiên nhiên [5], với tận hưởng thiên nhiên [8]. Hơn nữa, hài hòa với tự nhiên cũng là đặc điểm được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu về văn hóa con người Tây Nam Bộ trong mối quan hệ với thiên nhiên [3]. Chiều cạnh Giá trị môi trường có ý nghĩa tương tự với Giá trị và lựa chọn ưu tiên của Clayton [5], và Giá trị và mục tiêu cuộc sống [6]; Đạo đức môi trường gần gũi với Ý thức hệ [5], với thành phần Đạo đức môi trường của Clayton [8]. Kết quả nghiên cứu này bổ sung thêm khía cạnh tiêu dùng của con người như một chiều cạnh của bản sắc, bởi ngày nay, xã hội tiêu dùng đang khiến cho tài nguyên ngày càng suy kiệt và nhiều rác thải hơn, biến con người thành một đối tượng đối lập với thiên nhiên chứ không phải thống nhất phát triển cùng thiên nhiên. Bên cạnh đó, hai chiều cạnh khác là quan tâm đến môi trường và tuân thủ quy định môi trường mang ý nghĩa như hành vi ủng hộ môi trường.

Kết quả cũng cho thấy, các chiều cạnh của bản sắc môi trường dường như phản ánh những chiều cạnh có tính độc lập tương đối với nhau trong mối quan hệ của con người với tự nhiên. Với ý nghĩa này,

các chiều cạnh mới có thể được bổ sung để phản ánh được sự phong phú đa dạng của bản sắc con người như đúng bản chất của nó. Đó cũng là điều dễ hiểu bởi các thành phần của bản sắc môi trường được các tác giả khác đưa ra không hoàn toàn thống nhất. Trong các nghiên cứu tiếp theo, đây là vấn đề cần được nghiên cứu bổ sung.

Ngoài ra, bản sắc môi trường ở đây được nghiên cứu từ hành vi sống của cá nhân mà chưa tính đến hành vi của tổ chức, nơi có nhiều quyết định trong việc khai thác thiên nhiên hướng đến phục vụ lợi ích của con người. Những hành vi môi trường sai trái có điều kiện nảy nở bởi lối tư duy định hướng phát triển kinh tế, khai thác tối đa nguồn lực thiên nhiên. Đó là hạn chế mà nghiên cứu này chưa đề cập đến. Từ góc độ đo lường, các item phân bố trong các chiều cạnh với số lượng không cân đối trong một nghiên cứu khám phá, rất cần được xem xét kỹ lưỡng hơn để hình thành thang đo tốt hơn trong những nghiên cứu tiếp theo.

Chú thích

³ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Nhà nước *Bản sắc con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới*, Mã số: KHCN-TNB.ĐT/14-19/X19.

⁴ Kurtosis (tạm dịch là độ nhọn hay độ dẹt) là một đo lường thống kê để xác định độ chênh so với phân bố chuẩn, hay nói khác đi xác định xem phân bố có giá trị ngoại lai hay không. Trong SPSS, hệ số Kurtosis phản ánh chỉ số Kurtosis dư (excess kurtosis) tức là dư so với phân bố chuẩn. Giá trị này không phải là giá trị Kur nguyên thủy, ở đó phân bố chuẩn có hệ số Kur = 3 mà đã được điều chỉnh để Kur = 0 khi là phân bố chuẩn. Hệ số Kur > 0 là phân

bổ nhọn hơn so với chuẩn (Leptokurtosis), còn Kur < 0 là phân bố dẹt hơn so với chuẩn (Platykurtosis).

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Văn Búa (2010), “Tìm hiểu đặc điểm dân cư và tâm lý người dân đồng bằng sông Cửu Long nhằm thực hiện có hiệu quả chiến lược đại đoàn kết dân tộc”, Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 2010:13.
- [2] Ngô Văn Lệ (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ*, t.VII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 68/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội.
- [5] Clayton, S. (2003), “Environmental identity: A Conceptual and An Operational Definition”, *Identity and Natural Environment*, Cambridge: MIT Press.
- [6] Crompton, T., Kasser, T. (2010), *Human Identity - A Missing Link in Environmental Campaigning*.
- [7] Mayer, F. S, Frantz, C. M. (2004), “The Connectedness to Nature Scale: A Measure of Individuals’ Feeling in Community with Nature”, *Journal of Environmental Psychology*, No. 24 (4).
- [8] Olivos, P., Aragones, J. I. (2011), “Psychometric Properties of the Environmental Identity Scale” (EID), *Psychology*, No. 2(1).
- [9] Schwartz, S. H. (1992), “Universals in the Content and Structure of Values: Theory and Empirical Tests in 20 Countries”, *Advances in Experimental Social Psychology*, Vol. 25, New York: Academic Press.